

Số: 64/2020/QĐST-DS

Quận 11, ngày 26 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu tuyên bố một người là đã chết**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Cơ Dũng

Thư ký phiên họp: Bà Vương Thanh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên họp:

Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết Việc dân sự thụ lý số 496/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 09/2020/QĐST-DS ngày 11 tháng 6 Năm 2020 và Quyết định hoãn phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 22/2020/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; địa chỉ: bà Ln, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu: Bà Đoàn Thị Hồng L, sinh năm 1977; địa chỉ: bà Ln, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền được công chứng số 031525 ngày 13/9/2019 tại Văn phòng Công chứng Hoàng Xuân Hoan).

Yêu cầu tuyên bố một người là đã chết đối với:

1. Bà Nguyễn Thị Tt, sinh năm 1950; Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: bà Ln, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1952; Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: bà Ln, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Nguyễn Huyện Ty, sinh năm 1962;

2. Ông Nguyễn Văn Ti, sinh năm 1963;

3. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ: bà Ln, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đoàn Thị Hồng L, sinh năm 1977; địa chỉ: bà Ln, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền được công chứng số 00138 ngày 07/01/2020 tại Văn phòng Công chứng Hoàng Xuân Hoan).

- Người làm chứng:

1. Bà Lê Ngọc Hg, sinh năm 1952; địa chỉ: xx Lý Nam Đế, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Ngọc Ln, sinh năm 1953; địa chỉ: xx Lý Nam Đế, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, tờ tường trình, bản tự khai, người yêu cầu là bà Nguyễn Thị T và người đại diện theo ủy quyền của bà T là bà Đoàn Thị Hồng L trình bày:

Cha mẹ của bà Nguyễn Thị T là ông Nguyễn Văn Ch (sinh năm 1929, chết năm 1995) và bà Võ Thị Đ (sinh năm 1924, chết năm 2000) có 09 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Tt (sinh năm 1950), ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1952), bà Nguyễn Thị Ha (sinh năm 1954, chết năm 1988), ông Nguyễn Văn Lg (sinh năm 1956, chết năm 2005), ông Nguyễn Văn Tn (sinh năm 1958, chết năm 2001), ông Nguyễn Huyện Ty (sinh năm 1962), ông Nguyễn Văn Ti (sinh năm 1963), bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1965) và ông Nguyễn Văn C (sinh năm 1967).

Đối với ông Nguyễn Văn H thì vào năm 1972, gia đình được bạn bè thông tin cho biết là ông Nguyễn Văn H khi đang đi trên đường thì bị chính quyền cũ bắt đi lính (đi quân dịch). Tuy nhiên, gia đình không được chính quyền cũ thông báo gì về việc bắt lính đối với ông H nên cũng không biết thông tin trên là có chính xác hay không. Gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức.

Đối với bà Nguyễn Thị Tt thì năm 1974, bà Nguyễn Thị Tt đã bỏ nhà đi. Gia đình đã tìm kiếm rất nhiều lần nhưng đều không có tin tức.

Nay do gia đình có nhu cầu tiến hành thủ tục khai nhận di sản thừa kế của cha mẹ đối với căn nhà số bà Ln, Quận 11 thì phát sinh quyền thừa kế của bà Nguyễn Thị Tt và ông Nguyễn Văn H do có tên trong sổ hộ khẩu của chế độ cũ thể hiện là con của ông Nguyễn Văn Ch và bà Võ Thị Đ, đã chết hoặc đã mất tích nhiều năm không có tin tức nhưng lại không có giấy chứng tử.

Từ những lý do trên, bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố chị và anh của bà là bà Nguyễn Thị Tt và ông Nguyễn Văn H là đã chết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm có các ông bà Nguyễn Huyện Ty, Nguyễn Văn Ti, Nguyễn Văn C – do bà Đoàn Thị Hồng L làm người đại diện theo ủy quyền trình bày thay như sau: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có lời trình bày thông nhất với lời trình bày của người yêu cầu; đề nghị Tòa án chấp thuận yêu cầu tuyên bố bà Nguyễn Thị Tt và ông Nguyễn Văn H là đã chết.

Người làm chứng gồm có bà Lê Ngọc Hg và bà Nguyễn Ngọc Ln vắng mặt phiên họp nhưng đã gửi tờ tường trình có xác nhận chữ ký tại Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 11 vào ngày 11/12/2019. Vì vậy, Chủ tọa phiên họp công bố lời khai

của người làm chứng như sau: Bà Nguyễn Ngọc Hương và bà Nguyễn Ngọc Ln trình bày ông Nguyễn Văn Ch và bà Võ Thị Đ trước đây sống cùng các con tại căn nhà số bà Ln, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Ch và bà Đ có hai người con chết đã lâu là ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1952) và bà Nguyễn Thị Tt (sinh năm 1950). Lúc còn sống, ông Ch và bà Đ có tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì về ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Tt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý việc dân sự, xác định đúng thẩm quyền, tư cách đương sự. Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ căn cứ kết luận bà Nguyễn Thị Tt và ông Nguyễn Văn H biệt tích 05 năm liền trở lên và không có tin tức xác thực là còn sống, do đó, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 71 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Quận 11 nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Nguyễn Thị Tt và ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số bà Ln, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 4 Điều 27; Điểm a Khoản 2 Điều 35; Điểm b Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị T và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên họp. Người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu và người có quyền, nghĩa vụ liên quan là bà Đoàn Thị Hồng L có đơn xin vắng mặt ngày 19/6/2020. Căn cứ Khoản 1 Điều 228, Điều 361 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự.

Người làm chứng gồm có bà Lê Ngọc Hg và bà Nguyễn Ngọc Ln vắng mặt nhưng đã gửi lời khai có xác nhận chữ ký tại Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 11. Chủ tọa phiên họp đã công bố lời khai của người làm chứng. Căn cứ Khoản 2 Điều 229, Điều 361 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt người làm chứng.

[3] Về việc xác định quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố một người là đã chết và việc xác định tư cách người tham gia tố tụng:

Căn cứ Phiếu kết quả xác minh ngày 25/3/2020 của Công an Phường 7, Quận 11 xác định: “đương sự Nguyễn Thị Tt, sinh năm 1950 có đăng ký thường trú tại bà Ln, Quận 11. Năm 1974 bỏ nhà đi đâu không rõ. Trước khi bỏ đi đương sự Tuyết

không có chồng hay con. Đương sự Nguyễn Văn H, sinh năm 1952 có đăng ký thường trú tại bà Ln, Quận 11. Năm 1972 bỏ nhà đi đâu không rõ. Trước khi bỏ đi đương sự Hạnh không có vợ hay con”.

Căn cứ bản trích lục Tờ khai gia đình ngày 17/02/1970 do Công an Quận 11 cung cấp thể hiện ông Nguyễn Văn Ch (sinh năm 1929) và bà Võ Thị Đ (sinh năm 1924) có 09 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Tt (sinh năm 1950), ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1952), bà Nguyễn Thị Ha (sinh năm 1954), ông Nguyễn Văn Lg (sinh năm 1956), ông Nguyễn Văn Tn (sinh năm 1958), ông Nguyễn Huyện Ty (sinh năm 1962), ông Nguyễn Văn Ti (sinh năm 1963), bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1965) và ông Nguyễn Văn C (sinh năm 1967).

Tại Công văn số 428/CAQ-QLHC ngày 19/02/2020 của Công an Quận 11 thông tin hồ sơ lưu tại Tàng thư hộ khẩu Công an quận, trong tờ khai gia đình của ông Nguyễn Văn Ch (sinh năm 1929, chết năm 1995) có khai họ tên của hai người con là bà Nguyễn Thị Tt, sinh năm 1950 và ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1952.

Việc bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Huyện Ty, ông Nguyễn Văn Ti và ông Nguyễn Văn C tiến hành thủ tục khai nhận di sản thừa kế do ông Nguyễn Văn Ch và bà Võ Thị Đ chết để lại là có liên quan đến quyền và lợi ích của những người con khác của ông Ch và bà Đ, bao gồm cả những người con đã chết của ông Ch và bà Đ là bà Nguyễn Thị Ha, ông Nguyễn Văn Lg, ông Nguyễn Văn Tn và cả hai người con đã thất lạc, không có tin tức nhiều năm là bà Nguyễn Thị Tt và ông Nguyễn Văn H.

Từ những chứng cứ trên, có cơ sở để xác định người có quyền, lợi ích liên quan đến bà Nguyễn Thị Tt và ông Nguyễn Văn H là gồm có các em (đang còn sống) của bà Tt và ông H là ông Nguyễn Huyện Ty, ông Nguyễn Văn Ti, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn C. Căn cứ Điều 70, Khoản 1 Điều 71, Điều 361, Điều 391 Bộ luật Dân sự, ông Ty, ông Ti, bà T và ông C có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị Tt và ông Nguyễn Văn H là đã chết.

Do bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án ra quyết định tuyên bố bà Nguyễn Thị Tt và ông Nguyễn Văn H là đã chết nên bà Nguyễn Thị T được xác định là người yêu cầu; ông Nguyễn Huyện Ty, ông Nguyễn Văn Ti và ông Nguyễn Văn C được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Khoản 1 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc xem xét, quyết định tuyên bố bà Nguyễn Thị Tt là đã chết là có liên quan đến quyền, lợi ích của ông Nguyễn Văn H nên ông H phải được Tòa án triệu tập tham gia vụ việc với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; và ngược lại, việc xem xét, quyết định tuyên bố ông Nguyễn Văn H là đã chết là có liên quan đến quyền, lợi ích của bà Nguyễn Thị Tt nên bà Tt phải được Tòa án triệu tập tham gia vụ việc với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, nếu Tòa án giải quyết hai vụ việc “yêu cầu tuyên bố một người là đã chết” riêng lẻ, một việc xem xét đối với bà Nguyễn Thị Tt và một việc xem xét đối với ông Nguyễn Văn H sẽ dẫn đến việc triệu tập thiếu sót người tham gia tố tụng vì không thể triệu tập đối với một người đã biệt tích và là người đang được Tòa án xem xét trong một vụ việc “yêu cầu tuyên bố một người là đã chết” khác. Vì vậy, Tòa án thụ lý và xem xét giải quyết việc “yêu cầu tuyên bố một người là đã chết” đối với bà Nguyễn Thị Tt và ông Nguyễn Văn H trong cùng một vụ việc mới đảm bảo vụ việc được giải quyết một cách toàn diện, khách quan, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về xem xét yêu cầu của đương sự:

Bà Nguyễn Thị Tt (sinh năm 1950) và ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1952) là con của ông Nguyễn Văn Ch (chết năm 1995) và bà Võ Thị Đ (chết năm 2000). Tại thời điểm bà Nguyễn Thị Tt bỏ đi biệt tích vào năm 1974 thì bà Nguyễn Thị Tt không có chồng con. Tại thời điểm ông Nguyễn Văn H bỏ đi biệt tích vào năm 1972 thì ông Nguyễn Văn H không có vợ con. Bà Nguyễn Thị Tt là em ruột của bà Nguyễn Thị Tt và ông Nguyễn Văn H. Nay bà Nguyễn Thị Tt yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị Tt và ông Nguyễn Văn H là đã chết.

Căn cứ bản trích lục Tờ khai gia đình ngày 17/02/1970 do Công an Quận 11 cung cấp thể hiện bà Nguyễn Thị Tt (sinh năm 1950) và ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1952) là con của ông Nguyễn Văn Ch và bà Võ Thị Đ; cùng cư trú tại địa chỉ số 16/34 Lý Nam Đế, phường Phú Thọ, Quận 11, Sài Gòn (nay là bà Ln, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ bản trích lục Giấy chứng nhận đăng ký nhân khẩu thường trú trong hộ ngày 28/9/1976 do Công an Quận 11 cung cấp thể hiện bà Nguyễn Thị Tt (sinh năm 1950) và ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1952) không còn cư trú tại địa chỉ bà Ln, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm cấp giấy chứng nhận (ngày 28/9/1976).

Căn cứ Phiếu kết quả xác minh ngày 25/3/2020 của Công an Phường 7, Quận 11 xác định: “đương sự Nguyễn Thị Tt, sinh năm 1950 có đăng ký thường trú tại bà Ln, Quận 11. Năm 1974 bỏ nhà đi đâu không rõ. Trước khi bỏ đi đương sự Tuyết không có chồng hay con. Đương sự Nguyễn Văn H, sinh năm 1952 có đăng ký thường trú tại bà Ln, Quận 11. Năm 1972 bỏ nhà đi đâu không rõ. Trước khi bỏ đi đương sự Hạnh không có vợ hay con”.

Tòa án nhân dân Quận 11 đã có Quyết định thông báo tìm kiếm thông tin về người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết số 02/2020/QĐ-TA ngày 15 tháng 01 năm 2020 để thông báo tìm kiếm thông tin về người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết đối với bà Nguyễn Thị Tt và ông Nguyễn Văn H; bà Nguyễn Thị Tt đã đăng thông báo tìm kiếm trên báo Công Lý các ngày 11, 14 và 18 tháng 02 năm 2020 và Đài Tiếng Nói Việt Nam các ngày 24, 25 và 26 tháng 02 năm 2020; Tòa án đã đăng thông báo trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 384, Điều 385, Điều 388 và Điều 392 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, đã quá 04 tháng kể từ ngày đăng, phát thông báo lần đầu tiên mà Tòa án và các đương sự không nhận được tin tức của bà Nguyễn Thị Tt và ông Nguyễn Văn H là còn sống, do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tt về việc tuyên bố bà Nguyễn Thị Tt và ông Nguyễn Văn H là đã chết theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 71 Bộ luật Dân sự.

Xét thời điểm biết được tin tức cuối cùng của bà Nguyễn Thị Tt là năm 1974 và của ông Nguyễn Văn H là năm 1972 mà không xác định được ngày, tháng. Căn cứ Khoản 1 Điều 68, điểm d Khoản 1 Điều 71 Bộ luật Dân sự, Tòa án xác định thời điểm biết được tin tức cuối cùng và xác định ngày chết của bà Nguyễn Thị Tt và ông Nguyễn Văn H như sau:

Thời điểm biết được tin tức cuối cùng của bà Nguyễn Thị Tt được tính là ngày 01/01/1975, ngày chết của bà Tt được xác định là ngày kế tiếp của ngày sau năm năm

kể từ ngày bà Tt biệt tích, thời hạn năm năm được tính từ ngày biết được tin tức cuối cùng của bà Tt (ngày 01/01/1975), do đó, xác định ngày chết của bà Nguyễn Thị Tt là ngày 02/01/1980.

Thời điểm biết được tin tức cuối cùng của ông Nguyễn Văn H được tính là ngày 01/01/1973, ngày chết của ông H được xác định là ngày kế tiếp của ngày sau năm năm kể từ ngày ông H biệt tích, thời hạn năm năm được tính từ ngày biết được tin tức cuối cùng của ông H (ngày 01/01/1973), do đó, xác định ngày chết của ông Nguyễn Văn H là ngày 02/01/1978.

[5] Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị T chịu theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 4 Điều 27; Điểm a Khoản 2 Điều 35; Điểm b Khoản 2 Điều 39; Điều 149; Khoản 1 Điều 228; Khoản 2 Điều 229; Điều 361; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372 và Điều 393 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 68, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Luật Thi hành án dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Nguyễn Thị T.

Tuyên bố: Bà Nguyễn Thị Tt (sinh năm 1950; địa chỉ nơi cư trú trước khi biệt tích: bà Ln, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh) là đã chết.

Ngày chết của bà Nguyễn Thị Tt là ngày 02 tháng 01 năm 1980.

Tuyên bố: Ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1952; Địa chỉ nơi cư trú trước khi biệt tích: bà Ln, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh) là đã chết.

Ngày chết của ông Nguyễn Văn H là ngày 02 tháng 01 năm 1978.

Khi quyết định của Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị Tt và ông Nguyễn Văn H là đã chết có hiệu lực pháp luật thì quan hệ về hôn nhân, gia đình và các quan hệ nhân thân khác của bà Nguyễn Thị Tt và ông Nguyễn Văn H được giải quyết như đối với người đã chết. Quan hệ tài sản của bà Nguyễn Thị Tt và ông Nguyễn Văn H được giải quyết như đối với người đã chết. Tài sản của bà Nguyễn Thị Tt và ông Nguyễn Văn H được giải quyết theo quy định của pháp luật về thừa kế.

Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Huyện Ty, ông Nguyễn Văn Ti và ông Nguyễn Văn C được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để tiến hành thủ tục khai tử cho bà Nguyễn Thị Tt và ông Nguyễn Văn H.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị T chịu, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số AA/2019/0015273 ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- UBND Phường 7, Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Cơ Dũng